

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 51

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Thu Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
		miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Bùi Dương Hùng	Giám đốc Thi công	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Giám đốc Thi công	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
		miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Thi công	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Bà Đinh Thị Hiền	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Bùi Dương Hùng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60992762/19355428/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Vương Văn Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3446-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.619.487.515.294	1.875.451.770.173
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	564.028.365.579	226.732.044.282
111	1. Tiền		261.028.365.579	80.232.044.282
112	2. Các khoản tương đương tiền		303.000.000.000	146.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		27.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	27.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.445.068.458.492	1.016.693.984.807
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	599.494.172.631	641.263.970.862
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	397.127.240.074	225.303.645.512
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	9.136.418.391	7.136.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	466.691.705.611	169.092.099.125
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(27.381.078.215)	(26.102.149.083)
140	IV. Hàng tồn kho	10	538.976.144.217	569.468.920.575
141	1. Hàng tồn kho		538.976.144.217	569.468.920.575
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		44.414.547.006	62.556.820.509
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	11.677.587.239	33.413.170.074
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		32.736.959.767	29.143.650.435

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		944.816.861.299	737.761.991.687
210	I. Khoản phải thu dài hạn		-	2.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	2.000.000
220	II. Tài sản cố định		233.471.463.153	118.160.322.912
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	223.748.122.373	113.278.143.631
222	Nguyên giá		290.453.180.235	157.054.672.131
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(66.705.057.862)	(43.776.528.500)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	6.049.293.999	-
225	Nguyên giá		6.241.674.374	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(192.380.375)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	3.674.046.781	4.882.179.281
228	Nguyên giá		9.665.060.000	9.665.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.991.013.219)	(4.782.880.719)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		95.153.992.125	121.678.978.245
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	95.153.992.125	121.678.978.245
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	600.267.947.852	479.389.526.049
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		88.911.398.352	479.389.526.049
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		486.697.030.000	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.659.519.500	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.923.458.169	18.531.164.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	748.088.610	236.497.655
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	2.514.058.398	-
269	3. Lợi thế thương mại	17	12.661.311.161	18.294.666.826
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.564.304.376.593	2.613.213.761.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.436.492.147.195	1.537.579.506.546
310	I. Nợ ngắn hạn		2.318.668.510.975	1.475.298.914.683
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	582.984.212.638	416.564.278.852
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.009.336.129.871	444.774.402.841
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	17.346.231.528	42.952.921.464
314	4. Phải trả người lao động		5.856.359.147	3.987.350.479
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	132.430.496.092	186.944.560.581
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	246.670.395.986	98.653.442.784
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	316.977.928.841	268.991.956.456
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.066.756.872	12.430.001.226
330	II. Nợ dài hạn		117.823.636.220	62.280.591.863
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	8.818.143.111
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	65.443.351	65.443.351
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	115.576.091.869	44.528.799.833
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	-	6.586.378.318
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.182.101.000	2.281.827.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.127.812.229.398	1.075.634.255.314
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.127.812.229.398	1.075.634.255.314
411	1. Vốn cổ phần	24.1	780.000.000.000	762.499.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		780.000.000.000	762.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	93.686.603.494	93.686.613.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(3.380.000)	(3.390.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	88.163.615.253	70.721.042.099
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.102.396.881	1.731.302.878
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		78.061.218.372	68.989.739.221
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		46.761.088.288	29.526.127.358
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.564.304.376.593	2.613.213.761.860

Đặng Văn Lực
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng

Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính

Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.514.865.938.042	1.119.099.799.682
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(1.349.290.502.494)	(983.579.970.373)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		165.575.435.548	135.519.829.309
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	37.452.868.820	22.334.771.722
22	5. Chi phí tài chính	27	(35.512.635.877)	(37.583.906.493)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.201.301.289)	(33.608.759.598)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	16.1	9.493.563.587	2.595.700.634
25	7. Chi phí bán hàng	28	(31.744.906.508)	(31.506.399.340)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(45.942.692.170)	(30.610.389.769)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		99.321.633.400	60.749.606.063
31	10. Thu nhập khác	29	6.542.589.415	34.440.034.903
32	11. Chi phí khác	29	(5.943.727.401)	(20.202.865.012)
40	12. Lợi nhuận khác	29	598.862.014	14.237.169.891
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		99.920.495.414	74.986.775.954
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(23.724.752.828)	(10.352.235.466)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	9.100.436.716	6.997.893.238
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.296.179.302	71.632.433.726
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		78.061.218.372	68.898.072.554
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.234.960.930	2.734.361.172
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.4	968	809
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.4	968	809


Đặng Văn Lục
Người lập


Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính


Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật



Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


VND

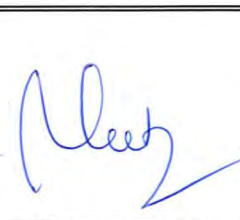
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		99.920.495.414	74.986.775.954
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 17	31.627.165.046	21.498.975.054
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.179.202.882	(5.559.281.856)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(44.325.466.557)	(49.173.476.649)
06	Chi phí lãi vay	27	35.201.301.289	33.608.759.598
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		123.602.698.074	75.361.752.101
09	Tăng các khoản phải thu		(314.506.091.752)	(32.020.321.862)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(48.211.820.284)	351.176.745.959
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		711.258.639.128	(304.081.024.427)
12	Giảm chi phí trả trước		8.881.264.607	39.367.760.992
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.397.547.578)	(34.067.886.474)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.470.488.195)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.607.156.972)	(6.067.748.596)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		408.549.497.028	89.669.277.693
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(145.450.592.613)	(61.387.944.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		7.740.803.435	34.198.902.336
23	Tiền chi cho vay		(53.659.519.500)	(4.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	56.500.000.000
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(462.117.030.000)	(36.590.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.040.732.366	184.155.733.086
27	Tiền thu lãi cho vay		5.950.577.060	67.869.559.064
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(352.495.029.252)	240.746.250.486


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		172.436.440.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	23	955.909.596.749	655.687.992.945
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(792.120.343.613)	(782.211.897.843)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(1.621.666.205)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(53.362.173.410)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		281.241.853.521	(126.523.904.898)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		337.296.321.297	203.891.623.281
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		226.732.044.282	22.840.421.001
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	564.028.365.579	226.732.044.282


 Đặng Văn Lục
 Người lập


 Nguyễn Văn Việt
 Kế toán trưởng


 Đinh Thị Hiền
 Giám đốc Tài chính


 Bùi Dương Hùng
 Người đại diện theo pháp luật



Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 337 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 238).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (%)
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	95	-
(2) Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điền Phước	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	95	95
(3) Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 ("CT12")	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Cung cấp dịch vụ tiện ích	Đang hoạt động	75	-
(5) Công ty TNHH Siêu Thành (*)	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	-	90

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 90% vốn góp trong Công ty TNHH Siêu Thành cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 49.050.000.000 VND theo Quyết định Số 12/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan theo phương pháp bình quân gia quyền |

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

- ▶ **Quỹ đầu tư phát triển**
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng các hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
- ▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có 2 bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản và cung cấp dịch vụ xây dựng. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	185.759.298	992.262.060
Tiền gửi ngân hàng	120.263.840.484	79.239.782.222
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	140.578.765.797	-
Các khoản tương đương tiền (**)	<u>303.000.000.000</u>	<u>146.500.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>564.028.365.579</u>	<u>226.732.044.282</u>

(*) Khoản tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 (Thuyết minh số 34) và lãi tiền gửi tương ứng.

(**) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi là 5% ~ 5,2%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản tiền do Nhóm Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:		
Tiền thu từ đợt phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 22)	140.500.000.000	-

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% ~ 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	390.825.942.263	573.142.269.216
- Cá nhân mua dự án đất nền	95.171.627.050	45.210.850.190
- Công ty Cổ phần Licogi 13	48.239.591.366	-
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	31.310.063.872	33.511.257.732
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao Tốc Việt Nam	25.511.774.763	25.469.288.335
- Bệnh viện II Lâm Đồng	21.658.731.145	25.712.008.854
- Công ty TNHH Siêu Thành	20.553.246.263	-
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	18.405.336.729	15.120.139.731
- Ban QLDA Các công trình Điện Miền Nam	7.679.599.310	18.962.781.093
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	146.203.242.005
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	-	141.969.723.446
- Các khách hàng khác	122.295.971.765	120.982.977.830
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	208.668.230.368	68.121.701.646
TỔNG CỘNG	599.494.172.631	641.263.970.862
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.381.078.215)	(26.102.149.083)
GIÁ TRỊ THUẦN	572.113.094.416	615.161.821.779

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.102.149.083	31.652.430.939
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.991.235.113	1.249.718.144
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.712.305.981)	(6.800.000.000)
Số cuối năm	27.381.078.215	26.102.149.083

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	377.492.104.038	132.368.680.930
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	66.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Enviro	27.682.440.252	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	26.539.414.855	-
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	16.147.880.000	16.147.880.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ thuật Việt	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đặc Đạo	-	29.337.657.307
- Các nhà cung cấp khác	230.222.368.931	86.883.143.623
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	19.635.136.036	92.934.964.582
TỔNG CỘNG	397.127.240.074	225.303.645.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 31) (*)	6.000.000.000	4.000.000.000
Bên khác (**)	3.136.418.391	3.136.418.391
TỔNG CỘNG	9.136.418.391	7.136.418.391

(*) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ông Trần Duy Doanh				
Hợp đồng số 01/HĐ-CTC12	3.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Hợp đồng số 02/HĐ-CTC12	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Hợp đồng số 04/HĐ-CTC12	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Hợp đồng số 05/HĐ-CTC12	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
	6.000.000.000			

(**) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn bên khác như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi 16.1				
Hợp đồng số 40/HĐ-Licogi16-Kto	3.136.418.391	12 tháng	9	Tín chấp

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	210.013.070.831	153.288.568.374
Phải thu chuyển nhượng vốn	106.600.000.000	-
Đặt cọc	99.741.783.299	3.010.446.830
Chi hộ	21.277.426.264	-
Vốn góp Hợp đồng Hợp tác Đầu tư ("HĐHTĐT") (**)	19.620.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	5.274.051.100	3.858.658.965
Khác	4.165.374.117	8.934.424.956
TỔNG CỘNG	466.691.705.611	169.092.099.125
<i>Trong đó:</i>		
Bên khác	433.339.119.353	134.702.005.568
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	33.352.586.258	34.390.093.557

(*) Đây là khoản tạm ứng cán bộ nhân viên để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

(**) Khoản này thể hiện phần vốn góp vào HĐHTĐT với cá nhân trong năm 2017 liên quan đến việc hợp tác mua 61% cổ phần trong Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản dở dang (*)	402.368.541.267	510.451.419.726
Các công trình xây dựng dở dang	106.307.276.160	35.762.224.235
Nguyên vật liệu	28.429.651.733	20.630.563.316
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
Công cụ, dụng cụ	788.159.551	1.542.197.792
TỔNG CỘNG	<u>538.976.144.217</u>	<u>569.468.920.575</u>

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Hiệp Thành	164.102.471.114	198.614.721.262
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	88.197.851.740	86.549.023.480
Khu dân cư Điền Phước	72.777.043.967	60.325.963.055
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	42.154.630.496	72.600.110.946
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	35.136.543.950	35.010.305.184
Chung cư Nam An	-	57.351.295.799
TỔNG CỘNG	<u>402.368.541.267</u>	<u>510.451.419.726</u>

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha, khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và khu dân cư Bảo Lộc 17ha được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.1).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	11.677.587.239	33.413.170.074
Chi phí hoa hồng môi giới	10.146.853.848	16.683.792.732
Phí bảo hiểm	924.818.680	-
Công cụ, dụng cụ	220.075.214	74.659.335
Phí tư vấn	-	16.241.507.135
Khác	385.839.497	413.210.872
Dài hạn	748.088.610	236.497.655
Công cụ, dụng cụ	748.088.610	236.497.655
TỔNG CỘNG	<u>12.425.675.849</u>	<u>33.649.667.729</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	94.485.044.176	60.668.507.891	1.901.120.064	157.054.672.131
Mua mới	49.197.990.451	48.187.697.796	62.727.273	97.448.415.520
Đầu tư XDCB hoàn thành	50.676.629.013	-	-	50.676.629.013
Thanh lý	<u>(6.941.184.064)</u>	<u>(7.785.352.365)</u>	<u>-</u>	<u>(14.726.536.429)</u>
Số cuối năm	<u>187.418.479.576</u>	<u>101.070.853.322</u>	<u>1.963.847.337</u>	<u>290.453.180.235</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.187.315.019	6.061.677.717	139.647.636	9.388.640.372
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(21.452.308.791)	(20.977.207.305)	(1.347.012.404)	(43.776.528.500)
Khấu hao trong năm	(18.394.886.502)	(8.675.623.473)	(222.786.531)	(27.293.296.506)
Thanh lý	1.572.292.243	2.792.474.901	-	4.364.767.144
Số cuối năm	<u>(38.274.903.050)</u>	<u>(26.860.355.877)</u>	<u>(1.569.798.935)</u>	<u>(66.705.057.862)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>73.032.735.385</u>	<u>39.691.300.586</u>	<u>554.107.660</u>	<u>113.278.143.631</u>
Số cuối năm	<u>149.143.576.526</u>	<u>74.210.497.445</u>	<u>394.048.402</u>	<u>223.748.122.373</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 23.2)</i>	77.921.967.096	15.657.024.771	-	93.578.991.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

		<i>VND</i>
		<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:		
Số đầu năm	-	
Thuê trong năm	6.241.674.374	
Số cuối năm	<u>6.241.674.374</u>	
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm	-	
Khấu hao trong năm	(192.380.375)	
Số cuối năm	<u>(192.380.375)</u>	
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	-	
Số cuối năm	<u><u>6.049.293.999</u></u>	

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

		<i>VND</i>
		<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:		
Số đầu năm và cuối năm	9.665.060.000	
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm	(4.782.880.719)	
Hao mòn trong năm	(1.208.132.500)	
Số cuối năm	<u>(5.991.013.219)</u>	
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	4.882.179.281	
Số cuối năm	<u><u>3.674.046.781</u></u>	

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.667.017.125	72.649.439.820
Trạm trộn bê tông Speco 2	22.393.975.000	-
Trạm trộn bê tông Benninghoven	-	48.972.288.425
Khác	93.000.000	57.250.000
TỔNG CỘNG	<u>95.153.992.125</u>	<u>121.678.978.245</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	88.911.398.352	479.389.526.049
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	486.697.030.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	24.659.519.500	-
TỔNG CỘNG	<u>600.267.947.852</u>	<u>479.389.526.049</u>

(*) Các khoản tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc hơn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Licogi 166	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	45.944.055.531	46,42	37.663.317.454	46,42
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	27.155.118.346	34,5	26.925.092.251	34,5
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	13.910.133.194	46,15	13.898.519.932	46,15
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	1.902.091.281	36,36	3.029.503.686	36,36
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học, bio-ethanol, bio-diesel	-	22	-	22
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội (i)	Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê	-	-	303.173.092.726	30
Công ty Cổ phần BOT 38 (ii)	Đầu tư và phát triển hạ tầng	-	-	72.500.000.000	29
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh (iii)	Khai thác và xử lý nước	-	-	22.200.000.000	20
TỔNG CỘNG		88.911.398.352		479.389.526.049	

- (i) Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 30% cổ phần trong Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 320.000.000.000 VND.
- (ii) Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 10% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOT 38 cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này còn 19% và được ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (iii) Trong năm, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 5% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 28.600.000.000 VND, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này còn 15% và được ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này bao gồm:

VND

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	603.357.793.569
Giảm giá trị đầu tư	<u>(404.109.118.909)</u>
Số cuối năm	<u>199.248.674.660</u>

Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	(123.968.267.520)
Giảm lỗ lũy kế do thanh lý	5.425.109.443
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	9.493.563.587
Cổ tức được chia trong năm	<u>(1.287.681.818)</u>
Số cuối năm	<u>(110.337.276.308)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>479.389.526.049</u>
Số cuối năm	<u>88.911.398.352</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	-	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19	-	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Khai thác và xử lý nước	46.500.000.000	15	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Dankia	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	14.250.000.000	9,5	-	-
TỔNG CỘNG		486.697.030.000		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Số đầu năm	38.333.556.645
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	<u>(9.000.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>29.333.556.645</u>

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm	(20.038.889.819)
Phân bổ trong năm	(2.933.355.665)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	<u>6.300.000.000</u>
Số cuối năm	<u>(16.672.245.484)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>18.294.666.826</u>
Số cuối năm	<u>12.661.311.161</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khác	479.236.966.032	246.693.152.540
- Công ty Cổ phần Licogi 13	53.709.571.099	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhân Luật	43.477.777.926	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	33.087.400.000	59.661.200
- Wirtgen Singapore Pte., Ltd	-	46.799.448.000
- Khác	348.962.217.007	199.834.043.340
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>103.747.246.606</u>	<u>169.871.126.312</u>
TỔNG CỘNG	<u>582.984.212.638</u>	<u>416.564.278.852</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	271.345.436.557	322.974.402.841
- Tạm ứng từ cá nhân mua dự án đất nền	169.442.249.654	135.468.127.760
- Công ty Cổ phần Licogi 13	23.982.852.063	-
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	19.507.494.726	61.254.529.627
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	64.920.800.000
- Khác	58.412.840.114	61.330.945.454
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	<u>737.990.693.314</u>	<u>121.800.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.009.336.129.871</u>	<u>444.774.402.841</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	24.226.147.770	19.343.950.336	(43.451.166.680)	118.931.426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.380.584.674	23.724.752.828	(25.470.488.195)	14.634.849.307
Thuế thu nhập cá nhân	1.609.107.110	7.270.045.726	(6.291.020.763)	2.588.132.073
Thuế nhà thầu	732.683.354	-	(732.683.354)	-
Khác	4.398.556	7.500.000	(7.579.834)	4.318.722
TỔNG CỘNG	42.952.921.464	50.346.248.890	(75.952.938.826)	17.346.231.528

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án các công trình xây dựng	126.383.246.458	177.255.024.343
Lương tháng 13	3.421.190.770	2.502.432.470
Tiền hoa hồng	1.215.728.445	6.335.981.605
Lãi vay	1.164.875.874	361.122.163
Khác	245.454.545	490.000.000
TỔNG CỘNG	132.430.496.092	186.944.560.581

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	246.670.395.986	98.653.442.784
Vốn góp của cổ đông (*)	140.500.000.000	-
Phạt thuế	56.662.873.850	58.669.949.461
Nhận tạm ứng	26.046.035.123	28.046.035.123
Phải trả khoản đầu tư	20.000.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.005.909.293	464.912.060
Nhận ký quỹ	-	4.000.000.000
Khác	2.455.577.720	7.472.546.140
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	65.443.351	65.443.351
TỔNG CỘNG	246.735.839.337	98.718.886.135
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	231.075.472.790	77.118.259.549
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	15.660.366.547	21.600.626.586

(*) Đây là khoản góp vốn nhận được từ đợt phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 (Thuyết minh số 34).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	316.977.928.841	268.991.956.456
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	274.735.555.731	215.617.941.138
Vay từ cá nhân	-	16.374.550.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.2)	26.073.005.341	15.169.555.568
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.3)	14.830.471.271	21.829.909.750
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.4)	1.338.896.498	-
Dài hạn	115.576.091.869	44.528.799.833
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.2)	111.670.977.082	44.528.799.833
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 23.4)	3.905.114.787	-
TỔNG CỘNG	<u>432.554.020.710</u>	<u>313.520.756.289</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	313.520.756.289	440.044.661.187
Vay trong năm	955.909.596.749	655.687.992.945
Thuê tài chính trong năm	6.865.677.490	-
Trả nợ vay trong năm	(792.120.343.613)	(782.211.897.843)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(50.000.000.000)	-
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(1.621.666.205)	-
Số cuối năm	<u>432.554.020.710</u>	<u>313.520.756.289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 kèm phụ lục bổ sung số 12-775/2013/HĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017	116.962.293.285	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha
Hợp đồng vay số 1483/2015/95893/HĐTD ngày 18 tháng 9 năm 2015	15.685.437.302	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 06 tháng 5 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,3	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 56/2016/HĐTD/HCM/01 ngày 6 tháng 10 năm 2016	68.713.964.233	Từ ngày 9 tháng 2 năm 2018 đến ngày 23 tháng 9 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,1 ~ 8,4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha
Hợp đồng vay số 231/2017/HĐTD/HCM/01 ngày 4 tháng 8 năm 2017	37.674.088.974	Từ ngày 11 tháng 5 năm 2018 đến ngày 1 tháng 9 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,1 ~ 8,4	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 17.360211/2017-HĐCVHM/NHCT900-LICOGI16 ngày 19 tháng 6 năm 2017	35.699.771.937	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 28 tháng 8 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Các hợp đồng kinh tế Licogi 16 đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 17.3600327/HĐTCQTS/NHCT900-Licogi
TỔNG CỘNG	<u>274.735.555.731</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 03-04.15/HĐTĐTH/TPB.HCM ngày 13 tháng 5 năm 2015	1.874.666.670	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2018 đến ngày 14 tháng 5 năm 2018	Thanh toán tiền mua 8 ô tô Tata Dea Woo	9,6	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.874.666.670				
Hợp đồng vay số 393/2017/HĐTĐ/HCM/01 ngày 26 tháng 10 năm 2017	755.555.556	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2020	Thanh toán tiền mua ô tô Toyota Fortuner	6,8	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	266.666.666				
Hợp đồng vay số 121/2017/HĐTĐ/HCM/01 ngày 4 tháng 5 năm 2017	625.566.664	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020	Thanh toán tiền mua ô tô Toyota Fortuner	6,8	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	268.100.000				
Hợp đồng vay số 236/2017/HĐTĐ/HCM/01 ngày 24 tháng 7 năm 2017	437.444.445	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Thanh toán tiền mua ô tô Ford Ranger XLS MT	6,8	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	169.333.334				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 375/2017/HĐTD/HCM/01 ngày 27 tháng 10 năm 2017	44.322.500.000	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	Đầu tư máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải	7 ~ 9,3	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.165.989.583				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 402/2016/95893/HĐTD ngày 3 tháng 3 năm 2016	89.728.249.088	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2018 đến ngày 4 tháng 2 năm 2021	Mua sắm tài sản cố định	10,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	21.328.249.088				
TỔNG CỘNG	137.743.982.423				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	26.073.005.341				
<i>Vay dài hạn</i>	111.670.977.082				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 Vay từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần BOT 38					
Hợp đồng vay số 20A/HĐVV/BOT38-LCG ngày 15 tháng 4 năm 2015	14.830.471.271	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	14.830.471.271				

23.4 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>			<i>VND</i>
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.748.509.694	409.613.196	1.338.896.498	-	-	-	
Từ 1 năm trở xuống	1.748.509.694	409.613.196	1.338.896.498	-	-	-	
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.374.545.369	469.430.582	3.905.114.787	-	-	-	
Từ 1 đến 5 năm	4.374.545.369	469.430.582	3.905.114.787	-	-	-	
TỔNG CỘNG	6.123.055.063	879.043.778	5.244.011.285	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	1.731.302.878	977.118.388.735
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	68.898.072.554	68.898.072.554
Tăng do thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con	-	-	-	-	91.666.667	91.666.667
Số cuối năm	<u>762.499.560.000</u>	<u>93.686.613.494</u>	<u>(3.390.000)</u>	<u>119.204.302.363</u>	<u>70.721.042.099</u>	<u>1.046.108.127.956</u>
Năm nay						
Số đầu năm	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	70.721.042.099	1.046.108.127.956
Tăng vốn cổ phần (*)	17.500.440.000	-	-	-	-	17.500.440.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	78.061.218.372	78.061.218.372
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.243.912.618)	(7.243.912.618)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(53.374.732.600)	(53.374.732.600)
Khác	-	(10.000)	10.000	-	-	-
Số cuối năm	<u>780.000.000.000</u>	<u>93.686.603.494</u>	<u>(3.380.000)</u>	<u>119.204.302.363</u>	<u>88.163.615.253</u>	<u>1.081.051.141.110</u>

(*) Vào ngày 16 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.750.044 cổ phiếu phổ thông cho nhân viên chủ chốt theo Chương trình lựa chọn cho người lao động với tổng giá trị 17.500.440.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 24/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2017. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc ban hành GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 17 ngày 21 tháng 11 năm 2017.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố trả cổ tức với giá trị là 53.374.732.600 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 20/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	762.499.560.000	762.499.560.000
Tăng trong năm	17.500.440.000	-
Số cuối năm	<u>780.000.000.000</u>	<u>762.499.560.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức bằng tiền đã công bố	53.374.732.600	-
Cổ tức đã trả	53.362.173.410	-

24.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	78.000.000	76.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.000.000	76.249.956
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	77.999.662	76.249.618

24.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	78.061.218.372	68.898.072.554
Trừ: Quý khen thưởng, phúc lợi (i)	(3.903.060.919)	(7.243.912.618)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	74.158.157.453	61.654.159.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>76.614.011</u>	<u>76.249.618</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>968</u>	<u>809</u>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 ("NQĐHĐCĐ 2017").

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo NQĐHĐCĐ 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ xây dựng	1.049.466.011.249	710.523.382.823
Doanh thu từ bán đất nền	334.470.591.529	372.181.179.061
Doanh thu bán hàng	130.802.789.808	14.126.277.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	126.545.456	22.268.960.449
TỔNG CỘNG	<u>1.514.865.938.042</u>	<u>1.119.099.799.682</u>

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	31.374.581.443	11.900.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.078.287.377	10.434.771.722
TỔNG CỘNG	<u>37.452.868.820</u>	<u>22.334.771.722</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	1.011.174.285.146	677.357.807.054
Giá vốn bán đất nền	213.657.827.828	291.017.533.690
Giá vốn hàng bán	124.458.389.520	12.839.058.438
Giá vốn dịch vụ khác	-	2.365.571.191
TỔNG CỘNG	<u>1.349.290.502.494</u>	<u>983.579.970.373</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	35.201.301.289	33.608.759.598
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	2.368.458.494
Khác	311.334.588	1.606.688.401
TỔNG CỘNG	<u>35.512.635.877</u>	<u>37.583.906.493</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng	31.744.906.508	31.506.399.340
Chi phí hoa hồng tư vấn	31.451.474.202	31.506.399.340
Chi phí khác	293.432.306	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	45.942.692.170	30.610.389.769
Chi phí lương	26.538.756.126	17.287.287.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.612.038.829	6.400.076.974
Phân bổ lợi thế thương mại	2.933.355.665	2.520.556.486
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.181.341.413	1.728.051.366
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	1.278.929.132	(5.550.281.856)
Chi phí khác	9.398.271.005	8.224.699.630
TỔNG CỘNG	77.687.598.678	62.116.789.109

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.542.589.415	34.440.034.903
Phí bảo lãnh	2.980.822.642	3.245.910.690
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	28.211.476.936
Khác	3.561.766.773	2.982.647.277
Chi phí khác	(5.943.727.401)	(20.202.865.012)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(2.620.965.850)	-
Phí bảo lãnh	(2.484.018.868)	(2.247.932.843)
Phạt thuế	-	(14.548.830.889)
Khác	(838.742.683)	(3.406.101.280)
GIÁ TRỊ THUẦN	598.862.014	14.237.169.891

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.724.752.828	10.352.235.466
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(9.100.436.716)</u>	<u>(6.997.893.238)</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.624.316.112</u>	<u>3.354.342.228</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>99.920.495.414</u>	<u>74.986.775.954</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	19.984.099.083	14.997.355.191
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.910.750.826	3.252.586.988
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên báo cáo riêng	2.132.223.986	781.016.672
Phân bổ lợi thế thương mại	586.671.133	504.111.297
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	255.785.826	(1.110.056.371)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(19.945.250)	(1.800.000)
Chênh lệch chi phí khấu hao	(125.457.156)	(711.910.135)
Lỗi năm trước chuyển sang	(333.296.554)	(12.829.580.224)
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	(1.017.750.247)	368.058.509
Lãi từ công ty liên kết	(1.898.712.717)	(519.140.127)
Lãi thanh lý khoản đầu tư	(2.345.021.889)	(18.808.301)
Lợi nhuận chưa thực hiện	<u>(5.505.030.929)</u>	<u>(1.357.491.271)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>14.624.316.112</u>	<u>3.354.342.228</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.779.618.634	-	4.779.618.634	-
Chênh lệch đánh giá lại hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	<u>(2.265.560.236)</u>	<u>(6.586.378.318)</u>	<u>4.320.818.082</u>	<u>6.997.893.238</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (phải trả)	<u>2.514.058.398</u>	<u>(6.586.378.318)</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>9.100.436.716</u>	<u>6.997.893.238</u>

30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
Các chênh lệch tạm thời	
Lỗi chuyển sang các năm sau	41.717.168.432
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	27.381.078.215
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.743.373.580
Chênh lệch chi phí khấu hao	5.112.368.405
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.247.230.372
Trợ cấp thôi việc phải trả	<u>2.182.101.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>86.383.320.004</u>

Lỗi chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 41.717.168.432 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 43.383.651.203) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
2015	2020	<u>46.571.497.627</u>	<u>(4.854.329.195)</u>	-	41.717.168.432

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Nhận tạm ứng Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng	798.123.878.007 173.437.944.094	- -
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng Nhận tạm ứng Góp vốn	384.063.055.632 133.980.000.000 37.800.000.000	- - -
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty Tạm ứng thực hiện dự án Vay Phí bảo lãnh Chi phí lãi vay Bán nguyên vật liệu Doanh thu khác Nhận tạm ứng Góp vốn	114.709.848.856 50.000.000.000 30.000.000.000 2.750.822.242 674.411.110 632.707.264 192.181.818 - -	177.949.743.753 13.422.219.069 10.000.000.000 3.689.551.307 - 1.303.157.382 - 100.000.000.000 14.390.000.000
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng Vay	88.379.861.318 17.730.471.271	120.735.580.853 16.300.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty Doanh thu xây dựng, bán nguyên vật liệu Mua nguyên vật liệu Cho vay Doanh thu khác Bán tài sản Chi phí tài chính Doanh thu cho thuê máy, thuê thiết bị	6.797.664.376 6.606.403.371 3.885.588.974 2.000.000.000 286.505.073 - - -	91.332.913.766 1.350.182.465 477.985.041 - 973.286.718 4.874.342.072 1.606.688.401 597.001.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ tư vấn	2.640.915.879	-
Ông Trần Duy Doanh	Cổ đông Công ty CT12	Cho vay	2.000.000.000	-
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay	1.650.000.000	2.960.000.000
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc ("TGD")	Vay	200.000.000	1.000.000.000
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Vay	25.950.000	1.350.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Doanh thu môi giới bất động sản (*)	-	13.936.322.331
		(*) <i>Phần trăm phí môi giới được hưởng</i>	-	8,5%
		Doanh thu dịch vụ xây dựng	-	13.046.058.668
		Doanh thu dịch vụ tư vấn giải tỏa đền bù đất	-	7.500.000.000
		Lãi cho vay (**)	-	6.987.210.096
		(**) <i>Lãi suất cho vay</i>	-	14,3%
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Vay	-	9.500.000.000
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Vay	-	2.955.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	97.420.302.557	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	80.120.403.597	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	48.979.421.591
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	539.066.640	-
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	520.712.640	-
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	Bán đất nền	453.082.776	-
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	9.240.019.878
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	-	8.580.834.737
TỔNG CỘNG			<u>208.668.230.368</u>	<u>68.121.701.646</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	12.305.362.686	54.056.482.630
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.700.000.000	35.248.708.602
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.151.128.862	3.151.128.862
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	478.644.488	478.644.488
TỔNG CỘNG			<u>19.635.136.036</u>	<u>92.934.964.582</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu về cho vay</i>				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	<u>6.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	20.129.871.740	20.129.871.740
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Tạm ứng	9.855.891.968	9.855.891.968
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Tạm ứng	2.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	1.313.720.413	-
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	53.102.137	-
Bà Trần Thị Hồng Gấm	Thành viên góp vốn Công ty Siêu Thành	Tạm ứng	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh	-	404.329.849
TỔNG CỘNG			<u>33.352.586.258</u>	<u>34.390.093.557</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	73.486.692.109	93.236.245.260
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	29.180.108.189	76.100.402.840
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ tư vấn	545.968.095	-
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	534.478.213	534.478.212
TỔNG CỘNG			103.747.246.606	169.871.126.312
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	687.809.150.099	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	47.731.108.800	-
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Bán đất nền	667.720.625	-
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGĐ	Bán đất nền	664.950.000	-
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGĐ	Bán đất nền	645.863.790	-
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGĐ	Bán đất nền	471.900.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu		100.000.000.000
Bà Trần Thị Hồng Gấm	Thành viên góp vốn Công ty Siêu Thành	Tạm ứng	-	21.800.000.000
TỔNG CỘNG			737.990.693.314	121.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	15.660.366.547	15.660.366.547
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Tạm ứng	-	2.615.085.380
Ông Trần Minh Ngọc Việt	Giám đốc Công ty Siêu Thành	Tạm ứng	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Ký quỹ	-	1.325.174.659
TỔNG CỘNG			<u>15.660.366.547</u>	<u>21.600.626.586</u>
<i>Vay</i>				
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	14.830.471.271	21.829.909.750
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên HĐQT	Vay	-	2.960.000.000
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Vay	-	2.955.000.000
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Vay	-	1.350.000.000
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Vay	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG			<u>14.830.471.271</u>	<u>30.094.909.750</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>7.851.520.688</u>	<u>4.674.315.946</u>

32. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.554.139.200	1.331.100.000
Trên 1 đến 5 năm	<u>2.930.592.888</u>	<u>2.451.442.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.484.732.088</u>	<u>3.782.542.500</u>

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Nhóm Công ty như sau:

	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	447.746.609.693	967.665.678.529	132.238.426.174	(32.784.776.354)	1.514.865.938.042
Tổng doanh thu thuần	447.746.609.693	967.665.678.529	132.238.426.174	(32.784.776.354)	1.514.865.938.042
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	147.044.396.444	29.473.582.992	7.580.036.654	(18.522.580.542)	165.575.435.548
<i>Chi phí không phân bổ</i>					(77.687.598.678)
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>					37.452.868.820
<i>Chi phí tài chính</i>					(35.512.635.877)
<i>Lãi khác</i>					598.862.014
<i>Phân lãi từ công ty liên kết</i>					9.493.563.587
<i>Lãi thuần trước thuế</i>					99.920.495.414
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>					(23.724.752.828)
<i>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</i>					9.100.436.716
Lợi nhuận thuần sau thuế					85.296.179.302
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Tài sản và công nợ					
<i>Tài sản bộ phận</i>	551.592.877.753	1.219.405.484.498	198.887.017.125	(36.097.901.639)	1.933.787.477.737
<i>Tài sản không phân bổ</i>					1.630.516.898.856
Tổng tài sản					3.564.304.376.593
<i>Công nợ bộ phận</i>	245.684.334.660	1.960.731.517.671	40.405.725.000	(89.516.718.020)	2.157.304.859.311
<i>Công nợ không phân bổ</i>					279.187.287.884
Tổng công nợ					2.436.492.147.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty như sau:

	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	372.181.179.061	771.347.141.533	50.686.119.352	(75.114.640.264)	1.119.099.799.682
Tổng doanh thu thuần	372.181.179.061	771.347.141.533	50.686.119.352	(75.114.640.264)	1.119.099.799.682
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	90.632.783.671	43.081.147.759	34.224.795.987	(32.418.898.108)	135.519.829.309
<i>Chi phí không phân bổ</i>					(62.116.789.109)
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>					22.334.771.722
<i>Chi phí tài chính</i>					(37.583.906.493)
<i>Lãi khác</i>					14.237.169.891
<i>Phần lãi từ công ty liên kết</i>					2.595.700.634
<i>Lãi thuần trước thuế</i>					74.986.775.954
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>					(10.352.235.466)
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>					6.997.893.238
Lợi nhuận thuần sau thuế					71.632.433.726
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tài sản và công nợ					
<i>Tài sản bộ phận</i>	573.353.406.254	823.248.408.387	72.706.689.820	(18.736.311.867)	1.450.572.192.594
<i>Tài sản không phân bổ</i>					1.162.641.569.266
Tổng tài sản					2.613.213.761.860
<i>Công nợ bộ phận</i>	48.095.574.750	887.159.389.894	6.335.981.605	(24.561.350.527)	917.029.595.722
<i>Công nợ không phân bổ</i>					620.549.910.824
Tổng công nợ					1.537.579.506.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 220.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc ban hành GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

			
Đặng Văn Lực Người lập	Nguyễn Văn Việt Kế toán trưởng	Đinh Thị Hiền Giám đốc Tài chính	Bùi Dương Hùng Người đại diện theo pháp luật



Ngày 30 tháng 3 năm 2018